

# HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG BRA-XIN

Người liên hệ: Nguyễn Thị Thái Li, Phạm Linh  
Tel: 04.35742022 ext 247/245  
Email: [lint@vcci.com.vn](mailto:lint@vcci.com.vn) / [linhp@vcci.com.vn](mailto:linhp@vcci.com.vn)

4.2015



## HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG CỘNG HOÀ LIÊN BANG BRA-XIN



### MỤC LỤC

|             |  |          |
|-------------|--|----------|
| <b>I.</b>   | <b>GIỚI THIỆU CHUNG .....</b>                                  | <b>2</b> |
| 1.          | Các thông tin cơ bản .....                                     | 2        |
| 2.          | Lịch sử.....   | 3        |
| 3.          | Chính sách đối ngoại:.....                                     | 4        |
| <b>II.</b>  | <b>KINH TẾ .....</b>   | <b>4</b> |
| 1.          | Tổng quan kinh tế: .....                                       | 4        |
| 2.          | Các chỉ số kinh tế.....  | 4        |
| <b>III.</b> | <b>QUAN HỆ CHÍNH TRỊ NGOẠI GIAO VỚI VIỆT NAM .....</b>         | <b>5</b> |
| 1.          | Quan hệ ngoại giao: .....                                      | 5        |
| 2.          | Quan hệ chính trị:.....  | 5        |
| <b>IV.</b>  | <b>QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM.....</b>            | <b>6</b> |
| 1.          | Quan hệ thương mại Việt Nam - Bra-xin.....                     | 6        |
| 2.          | Thuận lợi & khó khăn trong phát triển quan hệ với Bra-xin..... | 8        |
| <b>V.</b>   | <b>QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI .....</b>                          | <b>8</b> |
| 1.          | Thoả thuận hợp tác .....                                       | 8        |
| 2.          | Hoạt động triển khai.....                                      | 8        |
| <b>VI.</b>  | <b>THÔNG TIN HỮU ÍCH KHÁC:.....</b>                            | <b>9</b> |



## I. GIỚI THIỆU CHUNG



### 1. Các thông tin cơ bản

|                                |   |
|--------------------------------|---|
| <b>Tên quốc gia:</b>           | Cộng hoà Liên bang Bra-xin  |
| <b>Thủ đô:</b>                 | Bra-xi-li-a   |
| <b>Khu vực hành chính:</b>     | 26 bang   |
| <b>Các thành phố chính:</b>    | São Paulo, Rio de Janeiro, Salvador, Belo Horizonte   |
| <b>Ngày quốc khánh:</b>        | 7/9 (dành độc lập từ Bồ Đào Nha năm 1822)   |
| <b>Tổng diện tích:</b>         | 8.511.965 km <sup>2</sup>   |
| <b>Thể chế:</b>                | Cộng hòa liên bang.   |
| <b>Vị trí:</b>                 | Phía đông Nam Mỹ, phía đông giáp giới Đại Tây Dương với bờ biển dài 7.491 km. Bra-xin có đường biên giới với tất cả các nước Nam Mỹ trừ Chi lê và Ecuador, toàn bộ kéo dài 14.691 km (giáp với Argentina: 1.224 km, Bolivia: 3.400 km, Colombia: 1.643 km, Guiana thuộc Pháp: 673 km, Guyana: 1.119 km, Paraguay: 1.290 km, Peru: 1.560 km, Suriname: 597 km, Uruguay: 985 km, Venezuela: 2.200 km) |
| <b>Địa thế:</b>                | Đa số bằng phẳng và hơi dốc về phía các vùng đất thấp ở miền bắc; có vài vùng đồng bằng, đồi, núi, và vành đai hẹp vùng duyên hải   |
| <b>Các sông chính:</b>         | Amazon (3.700 km), Tocantins  |
| <b>Khí hậu, thời tiết:</b>     | Hầu hết nhiệt đới , riêng ở miền nam khí hậu ôn đới   |
| <b>Tài nguyên thiên nhiên:</b> | Quặng, sắt, mangan, bauxit, kền, uranium, phosphat, thiếc, thủy điện, vàng, platinum, dầu mỏ, gỗ.   |
| <b>Môi trường:</b>             | Các vấn đề hiện nay: nạn phá rừng ở vùng lòng chảo Amazon; ô nhiễm nước và không khí ở Rio de Janeiro, Sao Paulo và vài thành phố lớn khác; đất đai thoái hóa và ô nhiễm nước do các hoạt động khai thác mỏ không phù hợp, tràn dầu.  |



|                                |  |
|--------------------------------|--|
| <b>Nguy cơ thiên tai:</b>      | Hạn hán ở miền đông bắc; lụt và thỉnh thoảng có đông giá ở miền nam.             |
| <b>Dân số:</b>                 | 202.656.788 (2014)   |
| <b>Thành phần:</b>             | Da đen 6,2%, da trắng 53,7%, người lai 38,5%, các nhóm khác 1,6%.                |
| <b>Tôn giáo:</b>               | Công giáo 73,6%; Tin lành 15,4%  |
| <b>Ngôn ngữ:</b>               | Tiếng Bồ Đào Nha (chính thể), Tây Ban Nha, Anh, Pháp.                            |
| <b>Mức tăng trưởng dân số:</b> | 0.8% (năm 2014)  |
| <b>Tuổi thọ bình quân:</b>     | 73,28 năm  |
| <b>Quyền đầu phiếu:</b>        | Từ 16 đến 18 tuổi và trên 70 tuổi: tự nguyện; trên 18 và dưới 70 tuổi: bắt buộc. |
| <b>Hành pháp:</b>              | Đứng đầu nhà nước và chính phủ: Tổng thống. Nội các: do Tổng thống bổ nhiệm      |
| <b>Tổng thống hiện hành</b>    | Dilma ROUSSEFF (đắc cử 1/1/2011);  |
| <b>Lập pháp:</b>               | Quốc hội lưỡng viện  |
| <b>Tư pháp:</b>                | Tòa án liên bang tối cao.  |

## 2. Lịch sử

Có thể phân chia Lịch sử Bra-xin làm 04 giai đoạn : Trước năm 1500, Thuộc địa (1500-1822), Vương quốc (1822-1889), Cộng hoà (1889- đến nay).

Ngày 22/04/1500, Pedro Álvares Cabral người Bồ Đào Nha đã khám phá thấy miền đất Bra-xin. Sau đó Bồ Đào Nha đã chiếm Bra-xin làm thuộc địa từ năm 1531.

Trong thế kỷ 16, 17 việc buôn bán nô lệ từ châu Phi phát triển, đa số người Phi là lực lượng lao động chính tại các thuộc địa để trồng trọt mía đường, cao su, khai thác mỏ, đá quý.

Từ 1865 đến 1870, Bra-xin liên minh với Argentina và Uruguay để tham chiến với Paraguay làm 2/3 dân số Paraguay bị chết. Tuy nhiên quân đội Bra-xin cũng bị thiệt hại nhiều, chủ yếu là lính da đen và người lai. Năm 1870, phong trào Cộng hoà nổi lên đánh dấu khởi đầu thời kỳ suy thoái của quốc vương.

Ngày 13/11/1888 Công chúa Isabela con Vua Dom Pedro II ban hành Luật Áurea xoá bỏ chế độ nô lệ.

Năm 1889 Bra-xin chuyển chế độ quân chủ sang chế độ cộng hoà. Từ năm 1964, các giới quân sự thay nhau cầm quyền cho đến năm 1989, Tổng thống Fernando Colo de Melo được đắc cử, chấm dứt 25 năm do giới độc tài quân sự cầm quyền.

Tháng 7/1994, Bộ trưởng Bộ Tài chính Fernando Henrique Cardoso điều phối dự án Kế hoạch Real nhằm ổn định nền kinh tế Bra-xin. Tiền Bra-xin được đổi tên thành đồng Real. Mấy tháng sau đó, khi được bầu làm tổng thống, ông đã tiến hành nhiều cải cách lớn nhằm ổn định và phát triển kinh tế, đã quốc hữu hoá nhiều công ty, thu hút đầu tư nước ngoài. Năm 1998, Chính phủ tiến hành cải cách chính sách bảo trợ xã hội, quốc hữu hoá các công ty kinh doanh điện thoại. Ngày 1/01/1999, Tổng thống Fernando Henrique Cardoso đắc cử nhiệm kỳ thứ hai. Trong năm đó, ông đã tiến hành cải cách Chính phủ : thành lập Bộ Quốc phòng thay cho bốn bộ trước đây gồm Hải quân, Lục quân, Không quân và Tổng Tham mưu.



**3. Chính sách đối ngoại:**

Bra-xin có vai trò quan trọng tại khu vực và ngày càng tăng trên trường quốc tế. Chính phủ Bra-xin đề cao độc lập chủ quyền và quyền tự quyết; chủ trương củng cố và phát triển mọi mặt khối MERCOSUR; thúc đẩy liên kết, hội nhập khu vực, tích cực thúc đẩy thành lập Liên minh các quốc gia Nam Mỹ (UNASUR) theo mô hình EU; quan tâm đẩy mạnh quan hệ với các nước ở các khu vực khác, trong đó chú trọng châu Á-Thái Bình Dương. Bra-xin đóng vai trò lãnh đạo Nhóm G20, bảo vệ quyền lợi của các nước đang phát triển tại Vòng đàm phán Đô-ha.

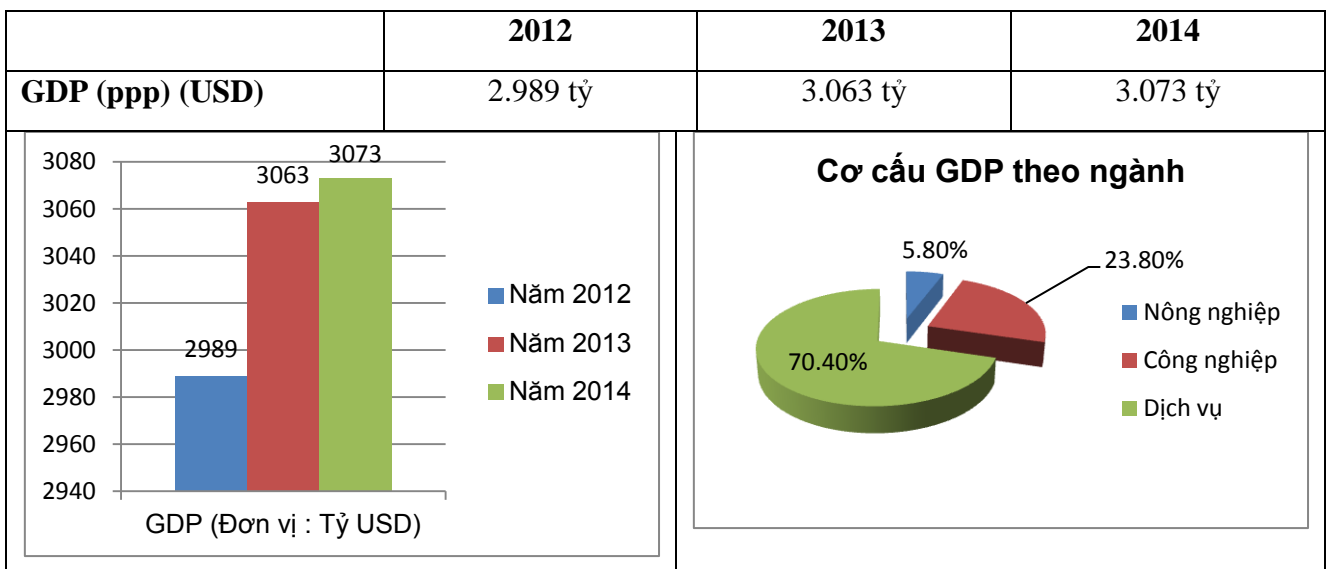
Bra-xin là thành viên của LHQ, WTO, Hiệp hội Liên kết Mỹ Latinh (ALADI), nhóm BRIC (Bra-xin, Nga, Ấn Độ, TQ), IBSA (Ấn Độ, Bra-xin, Nam Phi), Tổ chức các nước Châu Mỹ (OEA), Liên minh các Quốc gia Nam Mỹ (UNASUR), Hệ thống Kinh tế Mỹ Latinh (SELA), Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR), Nghị viện Mỹ Latinh (PARLATINO), Nhóm 77, G20, Diễn đàn Hợp tác Đông Á – Mỹ Latinh (FEALAC)...

**II. KINH TẾ**

**1. Tổng quan kinh tế:**

Nhờ có nền nông nghiệp, công nghiệp khai khoáng, sản xuất và dịch vụ đặc biệt phát triển, Bra-xin có nền kinh tế vượt trội hơn các quốc gia Nam Mỹ khác. Hiện Bra-xin đang tiến hành mở rộng ra thị trường ra thế giới. Từ năm 2003, Brazil đã dần ổn định kinh tế vĩ mô, tăng dự trữ ngoại hối, và giảm nợ nước ngoài. Trong năm 2008, Brazil đã trở thành nước cho vay. Sau khi đạt mức tăng trưởng kỷ lục trong năm 2007 và 2008, Bra-xin bắt đầu chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Brazil đã phải chịu suy thoái kinh tế trong hai quý, khi cầu thế giới đối với các mặt hàng xuất khẩu của Brazil bị thu hẹp và tín dụng quốc tế cạn kiệt. Tuy nhiên, Bra-xin là một trong những thị trường mới nổi đầu tiên phục hồi trở lại. Năm 2010, niềm tin của người tiêu dùng và nhà đầu tư đã được hồi phục và GDP đạt 7,5%, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 25 năm. Sang năm 2011, kinh tế Bra-xin bị giảm sút chủ yếu do khó khăn trong ngành công nghiệp và tăng giá tiền tệ. Chính sách lãi suất cao đã giúp Bra-xin trở thành điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Dòng vốn lớn chảy vào trong vài năm qua đã góp phần làm đồng tiền của Bra-xin tăng giá vì vậy Chính phủ đã quyết định tăng thuế đối với một số vốn đầu tư nước ngoài. Tổng thống Dilma Rousseff đã cam kết sẽ tiếp tục duy trì những cam kết của chính quyền trước là kiểm soát lạm phát thông qua ngân hàng trung ương, thực hiện tỷ giá hối đoái thả nổi, và kiểm chế chính sách tài khóa. Năm 2014 , GDP Bra-xin đạt 3.073 tỷ với mức tăng trưởng đạt 0,3%/năm.

**2. Các chỉ số kinh tế**





|                                  |  |          |                   |
|----------------------------------|--|----------|-------------------|
| <b>Tăng trưởng GDP</b>           | 1 %  | 2,5 %    | 0,3 %             |
| <b>GDP theo đầu người (USD)</b>  | 15.000   | 15.200   | 15.200            |
| <b>GDP theo ngành</b>            | Nông nghiệp 5,8 % ; Công nghiệp 23,8 %; Dịch vụ 70,4 %   |          |                   |
| <b>Lực lượng lao động</b>        |  |          | 107,9 triệu người |
| <b>Tỷ lệ thất nghiệp</b>         |  | 5,4 %    | 5,5 %             |
| <b>Tỷ lệ lạm phát</b>            |  | 5,9 %    | 6,3 %             |
| <b>Mặt hàng nông nghiệp</b>      | Bra-xin là nước sản xuất và xuất khẩu cà phê và bột cam nhiều nhất thế giới, xuất khẩu đậu nành đứng thứ 2 thế giới; các sản phẩm khác: gạo, bắp, mía, ca cao; thịt bò; sản xuất thực phẩm đủ dùng, trừ lúa mì |          |                   |
| <b>Các ngành công nghiệp</b>     | Hàng dệt may và các hàng tiêu dùng khác, giày dép, hóa chất, xi măng, gỗ quặng, thiếc, máy bay, sắt, thép, xe hơi và linh kiện rời, máy móc, thiết bị.   |          |                   |
| <b>Kim ngạch xuất khẩu (USD)</b> |  | 242 tỷ   | 242,7 tỷ          |
| <b>Mặt hàng chính</b>            | Phương tiện vận chuyển, quặng sắt, đậu nành; giày dép, cà phê, xe hơi  |          |                   |
| <b>Đối tác xuất khẩu</b>         | Trung Quốc 19%, Mỹ 10,3%, Argentina 8,1%, Hà Lan 7,2%  |          |                   |
| <b>Kim ngạch nhập khẩu (USD)</b> |  | 239,6 tỷ | 241,9 tỷ          |
| <b>Mặt hàng chính</b>            | Máy móc, phương tiện vận chuyển, hoá phẩm, dầu thô, linh kiện ô tô, đồ điện tử   |          |                   |
| <b>Đối tác nhập khẩu</b>         | Mỹ 15,1%, Trung Quốc 15,6%, Argentina 6,9%, Đức 6,3%, Nigeria 4%.  |          |                   |
| <b>Tỉ giá Tiền tệ BRL/1 USD</b>  | 1 Bra-xin Real (BRL)=100 centavos<br>2,36(2014); 2,1576(2013); 1,95 (2012) 1,675(2011); 1,7592 (2010); 2 (2009), 1,8644 (2008), 1,85 (2007)  |          |                   |

### III. QUAN HỆ CHÍNH TRỊ NGOẠI GIAO VỚI VIỆT NAM

#### 1. Quan hệ ngoại giao:

Việt Nam và Bra-xin thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 8/5/1989. Ta mở Tổng Lãnh sự quán tại Xao Pao-lô (1/1998) và nâng cấp thành Đại sứ quán (8/2000). Bra-xin mở Đại sứ quán tại Hà Nội tháng 9/1994 và là nước Nam Mỹ đầu tiên mở Đại sứ quán tại Hà Nội.

#### 2. Quan hệ chính trị:

Hai nước đã trao đổi nhiều đoàn cao cấp:

Về phía Việt Nam, nổi bật là các Đoàn Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh (5/2007), Chủ tịch nước Lê Đức Anh (10/1995) và Trần Đức Lương (11/2004), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (3/2006), và nhiều đoàn cấp Phó Thủ tướng, Bộ/Thứ trưởng thăm Bra-xin;



Về phía Bra-xin, có đoàn Tổng thống Lula Da Silva(7/2008), Đoàn Quốc hội - Ngoại giao - Thương mại do Chủ tịch Hạ viện Aldo Rabelo dẫn đầu (10/2003), Bộ trưởng Ngoại giao Celso Amorin (2/2008), Thứ trưởng Ngoại giao Gomez de Mattos (11/2007), Thứ trưởng Bộ Phát triển và Công thương Ivan Ramalio (9/2007), một số đoàn Quốc hội, Bộ/ngành và doanh nghiệp thăm Việt Nam. Quan hệ văn hóa có bước phát triển mới: Bộ trưởng Văn hóa – Thể thao – Du lịch Hoàng Tuấn Anh thăm Bra-xin (10/2009) thống nhất triển khai chương trình hợp tác văn hóa giai đoạn 2010-2012 và dự Tuần văn hóa Việt Nam tại Bra-xin; Hội nghị sỹ Bra-xin-Việt Nam (thành lập từ 20/4/1999) đã hoạt động trở lại do Hạ nghị sỹ Colbenr làm Chủ tịch.

Hai bên đã ký Thỏa thuận về tham khảo chính trị giữa hai Bộ Ngoại giao, Hiệp định về hợp tác văn hoá, Thỏa thuận về hợp tác giữa hai Phòng Thương mại, Thỏa thuận về trao đổi công hàm dành cho nhau quy chế Tối huệ quốc, Thỏa thuận về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, Hiệp định về Hợp tác Y tế và Y học, Bản Ghi nhớ thành lập Ủy ban hỗn hợp, Hiệp định khung về hợp tác khoa học - công nghệ và Bản Ghi nhớ về hợp tác chống đói nghèo; Bản Ghi nhớ về hợp tác thể thao; Bản ghi nhớ hợp tác giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) và Ngân hàng Bra-xin S.A. Trong khóa hợp đầu tiên của Ủy ban Hỗn hợp Việt Nam-Bra-xin tại Bra-xin (5/2009), hai bên đã ký Biên bản Thỏa thuận và tiếp tục thúc đẩy đàm phán các Hiệp định, Thỏa thuận khác.

Về hợp tác đa phương, Bra-xin đã ủng hộ Việt Nam gia nhập WTO, ứng cử làm UV không thường trực HĐBA/LHQ khoá 2008-2009; ta ủng hộ Bra-xin ứng cử làm Ủy viên không thường trực HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2010-2011 và trở thành Ủy viên Thường trực HĐBA/LHQ mở rộng.

#### IV. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM

##### 1. Quan hệ thương mại Việt Nam - Bra-xin

##### Kim ngạch Xuất Nhập khẩu giữa Việt Nam- Bra-xin

*Đơn vị: triệu USD*

|              | 2011             | 2012             | 2013             | 2014            |
|--------------|------------------|------------------|------------------|-----------------|
| <b>VN NK</b> | 597,892          | 1.019,324        | 1.295,089        | 1.872,704       |
| <b>VN XK</b> | 938,261          | 718,120          | 1.105,141        | 1.482,753       |
| <b>XNK</b>   | <b>1.536,153</b> | <b>1.737,444</b> | <b>2.400,230</b> | <b>3355.457</b> |

*Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam*

##### **Nhận xét:**

Quan hệ thương mại Việt Nam –Bra-xin ngày một phát triển. Vào năm hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao (năm 1989), thương mại hai chiều đạt 16 triệu USD. Bước sang năm 1994, kim ngạch nhảy vọt lên 52 triệu USD do Bra-xin tăng cường nhập khẩu gạo từ Việt Nam. Kể từ đó đến năm 2003, thương mại hai chiều có phần giảm sút. Năm 2001 kim ngạch chỉ đạt chưa đầy 30 triệu. Vào năm 2006, kim ngạch vọt tăng trở lại, đạt 208 triệu, năm 2011 đạt 1,536 tỷ USD, năm 2012 đạt 1,737 năm 2013 đạt 2,4 tỷ USD và đến năm 2014 kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước tăng 40%, đạt đến 3,355 tỷ USD.

Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt nam: giấy dếp (khoảng 266 triệu USD), điện thoại và các loại linh kiện (khoảng 526 triệu USD) thủy sản ( khoảng 124 triệu USD), máy tính, sản phẩm điện tử, sợi dệt các loại.



Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ Bra-xin bao gồm: gạo tương (khoảng 305 triệu USD) thức ăn chăn nuôi gia súc (khoảng 213 triệu USD), ngô (khoảng 725 triệu USD) bông, nguyên phụ liệu cho ngành dệt may da giày.

**Bảng I : Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Bra-xin năm 2014**

| Mặt hàng                                   | Đơn vị | Khối lượng | Trị giá (USD) |
|--|--------|------------|---------------|
| Điện thoại các loại và linh kiện           | USD    |            | 526.761.764   |
| Giày dép các loại                          | USD    |            | 266.358.255   |
| Hàng thủy sản                              | USD    |            | 124.903.461   |
| Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | USD    |            | 97.614.664    |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác   | USD    |            | 78.148.750    |
| Hàng dệt, may                              | USD    |            | 69.589.978    |
| Xơ, sợi dệt các loại                       | Tấn    | 24.946     | 63.461.276    |
| Phương tiện vận tải và phụ tùng            | USD    |            | 55.039.603    |
| Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù              | USD    |            | 17.415.591    |
| Vải màn, vải kỹ thuật khác                 | USD    |            | 15.564.235    |
| Sản phẩm từ sắt thép                       | USD    |            | 15.048.374    |
| Cao su                                     | Tấn    | 8.541      | 14.809.449    |
| Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày         | USD    |            | 14.726.645    |
| Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận       | USD    |            | 9.157.225     |
| Sắt thép các loại                          | Tấn    | 13.790     | 8.358.856     |
| Sản phẩm từ cao su                         | USD    |            | 5.351.654     |
| Clanhke và xi măng                         | Tấn    | 84.301     | 3.772.555     |
| Kim loại thường khác và sản phẩm           | USD    |            | 2.331.977     |
| Sản phẩm mây, tre, cói và thảm             | USD    |            | 2.166.047     |
| Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ     | USD    |            | 131.03        |

*Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt nam*





**Bảng II : Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Bra-xin năm 2014**

| Mặt hàng                                  | Đơn vị | Khối lượng | Tri giá (USD) |
|---|--------|------------|---------------|
| Ngô                                       | Tấn    | 2.957.652  | 725.554.044   |
| Đậu tương                                 | Tấn    | 538.766    | 305.280.953   |
| Thức ăn gia súc và nguyên liệu            | USD    |            | 213.804.147   |
| Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày        | USD    |            | 185.872.981   |
| Bông các loại                             | Tấn    | 72.781     | 132.815.389   |
| Nguyên phụ liệu thuốc lá                  | USD    |            | 62.733.755    |
| Gỗ và sản phẩm gỗ                         | USD    |            | 31.953.971    |
| Phế liệu sắt thép                         | Tấn    | 78.382     | 28.023.242    |
| Sắt thép các loại                         | Tấn    | 50.156     | 24.535.921    |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác | USD    |            | 17.105.322    |
| Chất dẻo nguyên liệu                      | Tấn    | 6.016      | 10.713.983    |
| Linh kiện, phụ tùng ô tô                  | USD    |            | 10.698.212    |
| Quặng và khoáng sản khác                  | Tấn    | 4.244      | 3.153.608     |
| Hàng rau quả                              | USD    |            | 2.657.243     |
| Hóa chất                                  | USD    |            | 2.151.161     |
| Chế phẩm thực phẩm khác                   | USD    |            | 1.852.975     |
| Kim loại thường khác                      | Tấn    | 307        | 791.107       |
| Lúa mì                                    | Tấn    | 2.200      | 526.900       |

*Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam*

**Về đầu tư:**

Tính đến tháng 12/2014 Bra-xin hiện đứng thứ 75 trên tổng số 101 quốc gia và lãnh thổ có FDI tại Việt Nam với 2 dự án có tổng số vốn đầu tư là 2.7 triệu USD trong lĩnh vực chế biến cao su ; Việt Nam có một dự án sản xuất mỳ ăn liền trị giá 0.8 triệu USD ở Bra-xin.

**ODA: chưa có**

**2. Thuận lợi & khó khăn trong phát triển quan hệ với Bra-xin**

**Thuận lợi:**

- Thị trường Braxin là thị trường đông dân, nhu cầu đa dạng
- Cơ cấu xuất nhập khẩu của Braxin và Việt Nam có thể bổ sung tốt cho nhau.
- Bra-xin là thành viên của Khối thị trường chung phía Nam Mercosur, Brazin đã ký hiệp định ưu đãi thuế quan với Chile, Peru, Bolivia, Brazin là cửa ngõ để Việt Nam xâm nhập thị trường Nam Mỹ

**Khó khăn:**

- Xa cách về mặt địa lý. thiếu thông tin

**V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI**

**1. Thỏa thuận hợp tác**

Phía Bra-xin đã thành lập: Phòng Thương mại Bra-xin Vietnam . Chủ tịch : Ruy Barreto

**2. Hoạt động triển khai**

- Tổ chức Gặp gỡ DN Việt Nam và DN Bra-xin nhân chuyến thăm VN của Bộ trưởng Ngoại giao Bra-xin Celso Amorim (ngày 27/2/2008 ). DN Bra-xin: 25



- Đón đoàn và doanh nghiệp và tổ chức Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam- Bra-xin và Hội thảo Bra-xin Vietnam : Quan hệ đối tác mới nhân dịp Tổng thống Brarzil (Da Silva) sang thăm Việt Nam (10/7/08). DN Bra-xin: 30.
- Tổ chức Hội thảo giới thiệu thị trường Braxin tại Thanh Hóa (2013)
- Tổ chức Hội thảo giới thiệu thị trường Braxin tại Ninh Bình (3/2014)
- Tổ chức đoàn doanh nghiệp khảo sát thị trường Chile, Braxin, Hoa Kỳ (5/2014) . Đoàn: 15 DN

**VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH KHÁC:**

| <b>Đơn vị - Địa chỉ</b>  | <b>Tel/Fax</b>   | <b>Email/Website</b>   |
|--|--|--|
| <b>Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam</b><br>Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội                                |  |  |
| Ban Quan hệ quốc tế, VCCI<br>C. Thái Li: 04-35742022 máy lẻ 247<br>A Phạm Linh: 04-35742022 máy lẻ 245     | T: 84-4-35772022<br>Máy lẻ :247, 245<br>F:84-4-35742020/30 | <a href="mailto:lint@vcci.com.vn">lint@vcci.com.vn</a><br><a href="mailto:linhp@vcci.com.vn">linhp@vcci.com.vn</a> |
| <b>Đại sứ quán Bra-xin tại Việt Nam</b><br>14 Thụy Khuê, Tây hồ, Hà nội                                    |  |  |
| Đại sứ: Ông Marco Antonio Diniz  | T:84-4-38432544<br>F: 84-4-38432542                        | <a href="mailto:vetbrem@vnn.vn">vetbrem@vnn.vn</a>   |
| <b>Đại sứ quán Việt Nam tại Bra-xin</b><br>SHIS QI 09 Conj. 10 Casa 1 Lago Sul CEP: 71.615-070 Brasilia/DF |  |  |
| Đại sứ : Ông Nguyễn Văn Kiên   | T: 5561-3364 5836<br>F: 5561-3364 5876,<br>5561-3364 0675  | <a href="mailto:embavina@uol.com.br">embavina@uol.com.br</a>   |
| <b>Phòng Thương mại Braxin Việt Nam</b><br>Ông Ruy Barreto Filho – Chủ tịch<br>President                   | Tel.: (+5521) 9407-9881 /<br>Fax: (5521) 2213-0300         | <a href="mailto:rbf@cafeglobo.com">rbf@cafeglobo.com</a>   |
| <b>Liên đoàn Công nghiệp Bang Sao Paulo</b><br><b>Federação das Indústrias do Estado de São Paulo</b>      |  |  |
| Bà Claudia Pinto<br>Ban Hợp tác quốc tế  | Tel.: 011 3549 4571  | <a href="mailto:cpinto@fiesp.org.br">cpinto@fiesp.org.br</a>   |
| <b>Hiệp hội Thương mại Sao Paulo</b><br><b>Associação Comercial de São Paulo - ACSP</b>                    |  |  |
| Ông Sidnei Docal<br>Giám đốc Ban Kinh tế đối ngoại<br>(Gerente do Departamento de<br>Comércio Exterior)    | Tel.: 011 3244 3771  | <a href="mailto:sdocal@acsp.com.br">sdocal@acsp.com.br</a>   |
| <b>Liên đoàn công nghiệp quốc gia</b><br><b>Confederação Nacional da Indústria - CNI</b>                   |  |  |
| Senhora Beatriz Santos Neves   | Tel.: 021 2204 9614  | <a href="mailto:bneves@cni.org.br">bneves@cni.org.br</a>   |
| <b>Liên đoàn Thương mại quốc gia</b><br><b>Confederação Nacional do Comércio - CNC</b>                     |  |  |
| Senhor Abram Szajaman<br>1° Vice-Presidente  | Tel.: 011 3254 1704  | <a href="mailto:nogare@fcesp.org.br">nogare@fcesp.org.br</a>   |



**Các thông tin khác**

\*Website [CIA – The World Factbook](#)

\*Website [Bộ Ngoại giao Việt Nam](#)

\*Website [Đại sứ quán Việt nam tại Bra-xin](#)